

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 4064/TTr-STNMT ngày 29/11/2021).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, trình Chủ tịch UBND phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai đã được công bố tại Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị trái với Quyết định này đều được thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Thủ tục hành chính mới ban hành: 03 TTHC**

STT	Tên thủ tục hành chính/ Mã thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1.010200.000.00.00.H50	Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.
2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu 2.000983.000.00.00.H50	- Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy.- Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp UBND tỉnh cấp giấy.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy. * Trường hợp có tài sản: 500.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014

		<p>- Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. (Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</p>	<p>quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.</p>			<p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p>
3	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền 1.001980.000.00.00.H50</p>	<p>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>Trực tiếp/ BCCI</p>	<p>- Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>

## 2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 22 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao 1.003010.000.00.00.H50	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
2	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu 1.005398.000.00.00.H50	- 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 1.004238.000.00.00.H50	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: +Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021
4	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận 1.004227.000.00.00.H50	- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - 20 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn).	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021
5	Đăng ký xác lập quyền sử	- 10 ngày làm	- Trung tâm phục vụ	Trực	- Lệ phí:	(1) Luật Đất đai năm 2013

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề 1.004221.000.00.00.H50	việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	tiếp/ BCCI	30.000 đồng/giấy.	(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021
6	Tách thửa hoặc hợp thửa đất 1.004203.000.00.00.H50	- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 50.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021
7	Cấp đổi Giấy chứng nhận	- 07 ngày làm	- Trung tâm phục vụ	Trực	- Lệ phí:	(1) Luật Đất đai năm 2013

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 1.004199.000.00.00.H50	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp hồ sơ chưa có bản đồ thửa đất mà phải đo đạc lập bản đồ thì tính thêm 10 ngày đo đạc lập bản đồ). - Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	tiếp/ BCCI	+ Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 20.000 đồng/giay + Khu vực khác: 10.000 đồng/giấy.	(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
8	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc, kể từ ngày	- Trung tâm phục vụ - Trung tâm phục vụ	Trực tiếp/	- Lệ phí: 30.000	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.004193.000.00.00.H50	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	BCCI	đồng/giay.	15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014
9	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu 1.003003.000.00.00.H50	- Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy. - Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp UBND tỉnh cấp giấy. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy. * Trường hợp có tài sản: 500.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>				
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất 1.002255.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy.</li> <li>- Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức.</li> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.</li> </ul>	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>UBND tỉnh cấp giấy.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p><i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i></p>				
11	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp 2.000976.000.00.00.H50	- Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 50.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. (Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)	UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.			(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021
12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở 1.002273.000.00.00.H50	- Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy. * Trường hợp có tài sản: 500.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (5) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (6) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. (Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)	nhu cầu.			(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014
13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định 1.002993.000.00.00.H50	- Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy. - Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp UBND tỉnh cấp giấy.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy. * Trường hợp có tài sản: 500.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. (Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)				
14	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền	- Trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p> <p>2.000889.000.00.00.H50</p>	<p>ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng</p>	<p>nhu cầu.</p>			<p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p> <p>(9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.</p> <p>(10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. (Chưa kể 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)				
15	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm 1.001991.000.00.00.H50	Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. (Chưa kể 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 30.000 đồng/giấy. * Trường hợp cấp giấy CN: 500.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014
16	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	- 07 ngày làm việc kể từ ngày	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/	- Lệ phí: + Thành	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất: đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp 2.000880.000.00.00.H50	nhận hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không cấp mới giấy chứng nhận). -10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ(đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận). - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	BCCI	phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy.	15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021
17	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất	- 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất 1.001134.000.00.00.H50	kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>Chưa kể 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.		khác: 14.000 đồng/giấy.	02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>
18	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất 1.005194.000.00.00.H50	- Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 50.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015
19	Chuyển nhượng vốn đầu tư	- Không quá 10	- Trung tâm phục vụ	Trực	- Lệ phí:	(1) Luật Đất đai năm 2013

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	là giá trị quyền sử dụng đất 1.001009.000.00.00.H50	ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	tiếp/ BCCI	30.000 đồng/giấy.	(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015
20	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế 1.001990.000.00.00.H50	- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. + Sở Tài nguyên và Môi trường: 05 ngày. + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 02 ngày. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 30.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.				
21	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu 1.004206.000.00.00.H50	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/BCC I	- Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>
22	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo 1.004217.000.00.00.H50	- 07 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/BCCI	Không	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (5) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (6) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>

### 3. Danh mục thủ tục hành chính thay thế: 02 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận. 1.002314.000.00.00.H50	<i>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu</i> 2.000983.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 05 ngày kể từ</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 25.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 12.000 đồng/giấy.</li> <li>* Cấp GCN có tài sản gắn liền với đất: + TP Đông Hà và TX Quảng Trị: 100.000 đồng/giấy. + Khu vực khác: 50.000 đồng/giấy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật Đất đai năm 2013</li> <li>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.</li> <li>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.</li> <li>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.</li> <li>(5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014</li> <li>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</li> <li>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.</li> <li>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015.</li> <li>(9) Thông tư số 33/2017/TT-</li> </ul>

			<p>ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;          Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p><i>(Chưa kể 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i></p>				BTNMT ngày 29/9/2017.
2	<p>Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.          2.001761.000.00.00.H50</p>	<p>Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "dồn điền đổi thửa" (đồng loạt)          1.003572.000.00.00.H50</p>	<p>- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.          - Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc.          - Đối với các xã</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân</p>	<p>Trực tiếp/BC CI</p>	<p>- Lệ phí:          + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy          + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013          (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014          (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017          (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-</p>

			miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	dân xã nếu có nhu cầu.			<p>CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/1'1- BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(7) Thông tư số 09/2021/TT- I3TNMT ngày 30/6/2021</p>
--	--	--	---	------------------------	--	--	---

#### 4. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 02 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân. 2.001761.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-I3TNMT ngày 30/6/2021</li> <li>- Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> </ul>
2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận. 1.002314.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-I3TNMT ngày 30/6/2021</li> <li>- Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> </ul>

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### 1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 01 TTHC

1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại	Trực tiếp/ BCCI	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày</li> </ul>
---	--	---	--	--------------------	-------	---

thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, dân cư. 2.001234.000.00.00.H50	Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 - Thông tư số 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014 Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017
---	------------------------------------	--

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ (phụ lục 2 Quyết định 473/QĐ-UBND): 23 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	<b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>		
1.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu 1.005398.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
2.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định. 1.003907.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
3.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 1.003886.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
4.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất



	chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận. 1.003877.000.00.00.H50		
5.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề. 1.003855.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
6.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế. 1.003836.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
7.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu. 1.004206.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
8.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất. 1.003000.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
9.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 1.002989.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
10.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp. 1.002978.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
11.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện. 1.002969.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
12.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu. 1.002335.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất

13.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận (chưa xây dựng) 1.002314.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
14.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất. 1.002291.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
15.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.(643) 1.002277.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
16.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý 1.002214.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
17.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở 2.000955.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
18.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng <i>tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy</i>	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất

	<i>chứng nhận</i> 2.000410.000.00.00.H50		
19.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. 2.000379.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
20.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp 2.000365.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
21.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất 1.000755.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
22.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất 1.003620.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất
23.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền 1.003595.000.00.00.H50	Quyết định số 1686/QĐ-STNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng quyền sử dụng đất

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

#### 1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 01 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hòa giải tranh chấp đất đai 1.003554.000.00.00.H50	- 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	Trực tiếp/ BCCI.	Không	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/ND-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020

**Tổng cộng: 54 TTHC**